TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 432/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim N, sinh năm: 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 96 đường T, Khu phố T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen Huu D, sinh năm: 1954, quốc tịch: Úc (vắng mặt)

Địa chỉ: Vic 3012 - Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2016, tại bản tự khai ngày 23/03/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen Huu D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 16/11/2016 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyen Huu D có nhiều điểm không hợp nhau về tuổi tác, về quan niệm sống nên bà

không thể tiếp tục chung sống với ông Nguyen Huu D. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Huu D.

Về con chung: Bà khai bà và ông Nguyen Huu D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai bà và ông Nguyen Huu D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lê Kim N có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tống đạt thông báo về ngày giờ mở phiên tòa đối với ông Nguyen Huu D nhưng ông Nguyen Huu D vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim N đối với ông Nguyen Huu D, cho bà Lê Kim N được ly hôn với ông Nguyen Huu D. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không có. Bà Lê Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Kim N đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông Nguyen Huu D hiện đang sinh sống tại Ô-xtơ-rây-li-a. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Kim N có Đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyen Huu D, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài hợp lệ để tống đạt Thông báo về việc thụ lý và ngày giờ mở phiên họp, phiên tòa vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyen Huu D. Tuy nhiên, ông Nguyen Huu D không có mặt tại Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông Nguyen Huu D cũng không có văn bản trả lời hay đơn đề nghị xét xử vắng mặt được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ô-xtơ-rây-li-a xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự. Tòa án không

nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt nên đã có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyen Huu D nhưng hết thời hạn theo luật định mà Tòa án vẫn không nhận được kết quả trả lời của Bộ Tư pháp. Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 và Điểm c Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 16/11/2016 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kim N và ông Nguyen Huu D là hợp pháp.

Theo bà Lê Kim N trình bày trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyen Huu D có nhiều điểm không hợp nhau về tuổi tác, về quan niệm sống nên bà không thể tiếp tục chung sống với ông Nguyen Huu D. Về phía ông Nguyen Huu D, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài hợp lệ để tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyen Huu D nhưng ông Nguyen Huu D không có văn bản trả lời hay đơn đề nghị xét xử vắng mặt, điều này chứng tỏ ông Nguyen Huu D không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Như vậy có thể đủ cơ sở để nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà Lê Kim N và ông Nguyen Huu D đã không đạt được. Do đó việc bà Lê Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Kim N được ly hôn đối với ông Nguyen Huu D là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Kim N khai bà và ông Nguyen Huu D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Kim N khai bà và ông Nguyen Huu D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Kim N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Kim N được ly hôn với ông Nguyen Huu D. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kim N và ông Nguyen Huu D chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 16/11/2016 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. *Về con chung:* Bà Lê Kim N khai bà và ông Nguyen Huu D không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Kim N khai bà và ông Nguyen Huu D không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lê Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Lê Kim N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0033608 ngày 21/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. *Về quyền kháng cáo bản án:* Bà Lê Kim N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hữu Danh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh